

Bản án số: **166/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 27/3/2024.
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Thu Thủy;
- Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 352/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Kim A**, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp Bình Trung, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp Bình Trung, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim A trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Văn M tự nguyện quen nhau rồi tiến tới hôn nhân, chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới, ông bà chung sống hạnh phúc, bình thường nhưng được một thời gian sau thì ông M mê cờ bạc, nhiều lần thiếu nợ, bà phải trả nợ thay. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi

vã, cuộc sống dần không còn hạnh phúc. Đã nhiều lần ông M hứa sửa đổi nhưng vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng nên cách nay khoảng 04 tháng, bà quyết định sống ly thân với ông M. Nhận thấy cuộc sống giữa bà và ông M không còn hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông M và hôn nhân không có khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

Quá trình chung sống, bà và ông M không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình chuẩn bị xét xử, không có đơn xin vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến về vụ án cho Tòa án.

* Qua trích lục thông tin đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BM xác định: không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của bà Lê Thị Kim A và ông Nguyễn Văn M.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông M vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa lần thứ hai, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông M. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đề nghị không xem xét. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim A khởi kiện yêu cầu giải quyết về ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M. Ông M có địa chỉ cư trú tại xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*tranh chấp ly hôn*” và Tòa án nhân dân huyện CP có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do, không có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân:*

Xét thấy, nguyên đơn bà Lê Thị Kim A và ông Nguyễn Văn M mặc dù tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2023 nhưng đến nay không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định hôn nhân giữa ông bà không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim A và ông Nguyễn Văn M.

[2.2] *Về con chung:*

Nguyên đơn bà A khai không có con chung, ông M không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này ông M có tranh chấp về con chung, có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:*

Nguyên đơn bà A khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông M không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này ông M có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung, có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Do bà A là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm mà bà A đã nộp khi thụ lý vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim A và ông Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Không có, không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0005278 ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, bà A không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim A, bị đơn ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. CP;
- Chi cục THA DS H. CP;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung